

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Nguyên Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Sen**

2. Ông **Lê Việt Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Trong ngày 14/6/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 101/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19/03/2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số 9/9, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 39/3, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trần Văn M quen biết tìm hiểu nhau khoảng 05 tháng rồi tiến đến hôn nhân. Có tổ chức lễ cưới vào năm 1995 và cho đến ngày 30/12/2002 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống có 01 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 21/3/1996 hiện nay đã có chồng và ở riêng.

Sau khi kết hôn, chị T về sống làm dâu bên chồng tại ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long được 02 tháng thì mẹ chồng cho ra riêng cất nhà ở trên đất của mẹ chồng. Vợ chồng sống chung tại đây cho đến khi chị T sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, do anh M sau khi uống rượu bia về đến nhà thì có hành vi đánh đập chị rất nhiều lần với lý do không phục vụ cơm nước cho chồng, khi đó do mới sinh con, sức khỏe rất yếu nên chị không thể kháng cự và cố gắng chịu đựng nhiều năm liền.

Đến năm 2009, do không thể chịu đựng được sự đánh đập của chồng nên chị phải bỏ nhà đi cho đến nay. Chị T xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, nên yêu cầu xin được ly hôn với anh M để mỗi người có được cuộc sống tự do riêng không ai ràng buộc ai. Về con chung đã trưởng thành, nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh M. Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

Bị đơn Trần Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M qua quen biết tìm hiểu nhau một thời gian rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2002, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn này chưa được giải quyết nên dẫn đến giữa chị T và anh M không còn chung sống với nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, phía anh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nên mặc nhiên anh đã biết nguyên nhân dẫn đến việc chị T xin ly hôn,

đồng thời anh M chưa có văn bản nào ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T.

Qua đó cho thấy, chị T nêu ra nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do anh M có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là Trần Thị Thanh A, sinh ngày 21/3/1996 đã trưởng thành và đã lập gia đình ở riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T là được ly hôn với anh Trần Văn M.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thị Thanh A, sinh ngày 21/3/1996 đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Kim T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001368 ngày 19/03/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên chị T không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa